

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 - Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính	04
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	09 - 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan được chuyển thành Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp số 3000376142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 26/03/2006 và thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010 cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **31.600.000.000 (Ba mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn).**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan. Kinh doanh mua, bán, chế biến sau các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Đolomit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép. Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

Công ty có trụ sở tại: Xóm 15, xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Dương Tất Thắng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/05/2012)
2 Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/05/2012)
3 Ông Bùi Văn Minh	Thành viên
4 Ông Đinh Quang Tuấn	Thành viên
5 Ông Nguyễn Anh Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2012)
6 Ông Nguyễn Trọng Tuyên	Thành viên

Ban Giám đốc:

1 Ông Đinh Quang Tuấn	Quyền Giám đốc
2 Ông Phan Xuân Luật	Phó Giám đốc
3 Ông Nguyễn Đức Dũng	Kế toán trưởng

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 của Công ty được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và Quy định pháp lý về kế toán có liên quan;
 - Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.
 - Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ hoạt động tiếp theo.

4. Các thông tin khác liên quan

Ngoài các sự kiện đã nêu trên và trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN:

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Phó Giám đốc

Đình Quang Tuấn

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Số: /CPA HANOI - BCKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan*

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Khoáng sản Mangan**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 10/01/2013 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

đến ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.433.958.060	40.854.077.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		540.925.603	310.070.795
1. Tiền	111	V.01	540.925.603	310.070.795
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		3.224.043.172	2.906.746.507
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	3.498.869.345	2.818.965.661
2. Trả trước cho người bán	132		-	7.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03	182.735.000	283.494.346
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(457.561.173)	(202.713.500)
IV. Hàng tồn kho	140		36.582.546.260	36.655.877.270
1. Hàng tồn kho	141	V.04	37.031.679.514	39.259.731.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(449.133.254)	(2.603.854.279)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	86.443.025	981.383.128
1. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		-	761.016.803
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		86.443.025	220.366.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.326.343.370	12.210.058.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.399.544.845	11.014.962.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.038.080.212	10.631.917.428
- Nguyên giá	222		25.580.079.908	26.847.677.644
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.541.999.696)	(16.215.760.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	361.464.633	383.044.617
- Nguyên giá	228		431.599.581	431.599.581
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(70.134.948)	(48.554.964)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	1.926.798.525	1.195.096.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		412.599.859	1.065.269.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.320.986.166	
3. Tài sản dài hạn khác	268		193.212.500	129.827.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		50.760.301.430	53.064.135.786

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

đến ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.074.902.083	13.645.399.315
I. Nợ ngắn hạn	310		16.074.902.083	13.434.795.951
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	8.463.122.154	4.902.147.810
2. Phải trả người bán	312	V.10	1.512.214.312	2.618.876.787
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	2.646.237.359	2.768.122.759
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.376.406.864	1.277.613.763
5. Phải trả công nhân viên	315	V.13	1.294.319.772	1.199.042.810
6. Chi phí phải trả	316	V.14	-	184.194.786
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	630.405.743	376.911.714
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		152.195.879	107.885.522
II. Nợ dài hạn	330		-	210.603.364
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	210.603.364
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.685.399.347	39.418.736.471
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	34.685.399.347	39.418.736.471
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.600.000.000	31.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.037.527.899	7.037.527.899
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.308.269
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.534.877.946	2.534.877.946
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		255.690.119	1.022.760.476
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(6.742.696.617)	(2.779.738.119)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		50.760.301.430	53.064.135.786

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Đình Quang Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	18.384.604.767	42.863.759.579
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.18	-	1.586.112.450
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.19	18.384.604.767	41.277.647.129
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	18.065.306.759	35.571.946.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		319.298.008	5.705.700.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	5.618.805	90.328.550
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	942.813.655	230.894.142
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		942.813.655	225.468.712
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	1.867.170.257	4.815.353.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	3.328.501.606	3.594.104.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.813.568.705)	(2.844.323.757)
11. Thu nhập khác	31		1.362.644.354	64.585.638
12. Chi phí khác	32		833.020.313	
13. Lợi nhuận khác	40		529.624.041	64.585.638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.283.944.664)	(2.779.738.119)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.25	(1.320.986.166)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(3.962.958.498)	(2.779.738.119)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(1.254,10)	(879,66)

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Đình Quang Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.283.944.664)	(2.779.738.119)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.959.433.339	2.029.163.455
- Các khoản dự phòng	03	906.694.427	2.806.567.779
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.618.805)	(90.328.550)
- Chi phí lãi vay	06	942.813.655	230.894.142
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.481.622.048)	2.196.558.707
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(509.128.604)	-114.615.510
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	73.331.010	(10.164.134.960)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.143.025.358)	4.480.614.790
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	652.669.182	(238.736.703)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(687.758.969)	(214.092.974)
- Thuế TNDN đã nộp	14	-	-332.668.650
- Tiền thu từ các hoạt động khác	15	290.671.979	273.649.730
- Tiền chi cho các hoạt động khác	16	(675.184.398)	(1.240.661.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(3.480.047.206)	(5.354.087.560)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(44.899.091)	(12.330.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	188.207.956	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.618.805	90.328.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	149.927.670	77.998.550
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.456.347.899	10.367.649.342
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.895.373.555)	(5.465.501.532)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36	-	(3.792.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.560.974.344	1.110.147.810
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	230.854.808	(4.165.941.200)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	310.070.795	4.473.862.262
nh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2.149.733
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	540.925.603	310.070.795

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng Đinh Quang Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Xí nghiệp khoáng sản Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan được chuyển thành Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp số 3000376142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 26/03/2006 và thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010 cấp. Theo đó

Vốn điều lệ của Công ty là: 31.600.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Công ty có trụ sở tại: Xóm 15, xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan. Kinh doanh mua, bán, chế biến sau các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Đolomit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép. Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012.
3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng:
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**2.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

*** Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

3.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Tại thời điểm 30/06/2010 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	Từ 05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	Từ 06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	Từ 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 - 5 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
 - Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu sản xuất Mangan, doanh thu từ lãi tiền gửi và doanh thu từ đầu tư cổ phiếu.

7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

7.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ cho thuê ca máy được xác định theo hợp đồng kinh tế, phiếu giá thanh toán cho thuê máy móc thiết bị, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

7.4 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

10. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo chuẩn mực kế toán.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- * Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

11.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

- * Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- * Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- * Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đ)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.734.654	64.213.355
- Tiền gửi Ngân hàng	539.190.949	245.857.440
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	539.190.949	245.857.440
+ Tiền gửi Ngoại tệ	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	540.925.603	310.070.795
2. Các khoản phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty HH khoáng nghiệp hoàng liên	97.268.345	97.268.345
Công ty TNHH SX&KD Thép Vạn Lợi	405.427.000	405.427.000
Công ty TNHH Đại Việt	2.996.174.000	415.391.990
Công ty cổ phần Đại Quảng Phú		1.900.878.326
Cộng	3.498.869.345	2.818.965.661
3. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- BHXH, BHYT	-	38.622.700
- Công đoàn cty	182.735.000	171.735.000
- Phải thu khác	-	73.136.646
Cộng	182.735.000	283.494.346
4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.382.567.138	11.483.966.755
- Công cụ, dụng cụ	40.720.327	120.252.816
- Thành phẩm	32.608.392.049	27.655.511.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(449.133.254)	(2.603.854.279)
Cộng	36.582.546.260	36.655.877.270
* Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: ...		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		
5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	0	761.016.803
Tài sản ngắn hạn khác	86.443.025	220.366.325
Cộng	86.443.025	981.383.128

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

đến ngày 31/12/2012

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	6.515.507.377	12.187.035.488	7.629.422.146	515.712.633	26.847.677.644
- Mua sắm mới				44.899.091	44.899.091
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác				-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán		99.692.000	1.212.804.827		1.312.496.827
- Giảm khác		-			-
Số dư cuối năm	6.515.507.377	12.087.343.488	6.416.617.319	560.611.724	25.580.079.908
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.604.722.573	7.546.900.735	4.864.545.760	199.591.148	16.215.760.216
- Khấu hao trong kỳ	548.589.336	615.851.860	694.792.505	78.619.654	1.937.853.355
- Tăng khác				-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán		99.692.000	511.921.875		611.613.875
- Giảm khác		-			-
Số dư cuối quý năm	4.153.311.909	8.063.060.595	5.047.416.390	278.210.802	17.541.999.696
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	2.910.784.804	4.640.134.753	2.764.876.386	316.121.485	10.631.917.428
- Tại ngày cuối năm	2.362.195.468	4.024.282.893	1.369.200.929	282.400.922	8.038.080.212

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Giá trị thương hiệu	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	431.599.581		431.599.581
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	431.599.581	-	431.599.581
Giá trị hao mòn lũy kế			-
1. Số dư đầu năm	48.554.964		48.554.964
2. Số tăng trong năm	21.579.984	-	21.579.984
- Khấu hao trong năm	21.579.984	-	21.579.984
- Tăng khác			-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối năm	70.134.948	-	70.134.948
Giá trị còn lại			-
1. Tại ngày đầu năm	383.044.617	-	383.044.617
2. Tại ngày cuối năm	361.464.633	-	361.464.633

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1 Chi phí trả trước dài hạn	412.599.859	1.065.269.041
Số dư đầu kỳ	1.065.269.041	826.532.338
Số tăng trong kỳ	396.758.646	1.271.925.502
Số đã kết chuyển trong kỳ	1.049.427.828	1.033.188.799
8.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.320.986.166	
8.3 Tài sản dài hạn khác	193.212.500	129.827.000
Cộng	1.926.798.525	1.195.096.041

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

đến ngày 31/12/2012

9. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn	8.463.122.154	4.902.147.810
Vay NH NT CN Hà Tĩnh	2.164.405.690	4.902.147.810
Vay Tổng Công ty KS Hà Tĩnh	6.298.716.464	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	8.463.122.154	4.902.147.810
10. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Bùi Trung Kiên	24.025.500	
Công ty CP Cảng Vũng áng Việt - Lào	113.590.950	107.834.100
Công ty CP giám định hàng hóa XNK Toàn cầu		13.895.185
Công ty CP XL TM tổng hợp Lam Hồng		320.100.000
Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng áng	40.650.500	-
Công ty cổ phần thương mại MITRACO	450.429.279	219.020.700
Công ty cổ phần tập đoàn Hoàn Sơn	93.662.900	81.914.750
Công ty TNHH Dũng Long	57.660.002	1.557.660.002
Công ty TNHH MTV ấn phẩm	936.000	936.000
Công ty TNHH Quốc Toàn	147.631.425	63.612.750
Công ty TNHH TM&DV vận tải Viết Hải	150.875.200	
Công ty TNHH Văn Đỗ	50.540.000	
Lê Thị Hương	49.430.000	
Nguyễn Thị Hoà	58.840.000	
Trần Hậu Đại	23.733.479	26.676.000
Tổng công ty KS & TM HT	166.771.437	46.555.300
Đình Xuân Bá	83.437.640	-
Đặng Ngọc Tiểu		180.672.000
Cộng	1.512.214.312	2.618.876.787
11. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Chu Vinh Hương	154.348.004	154.348.004
Công ty cổ phần thương mại Phát Lộc Sơn	33.069.600	
Công ty TNHH thương mại Dũng Phát	349.300.000	349.300.000
Công ty TNHH Thương mại Đức Gang Ngọc Hưng	-	154.955.000
Fang Chenggang Weiming Trade Limitem Company	200.742.224	200.742.224
SUZHIJUN	49.657.531	49.657.531
Tổng công ty KS & TM HT	1.859.120.000	1.859.120.000
Cộng	2.646.237.359	2.768.122.759

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

đến ngày 31/12/2012

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	546.602.821	-
Thuế XNK	-	285.217.103
Thuế thu nhập cá nhân	11.478.582	1.980.000
Thuế tài nguyên	516.090.375	930.824.960
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	88.263.000	59.591.700
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	213.972.086	0
Cộng	1.376.406.864	1.277.613.763
13. Phải trả công nhân viên	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	1.294.319.772	1.199.042.810
Cộng	1.294.319.772	1.199.042.810
14. Chi phí phải trả:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước tiền lương nghỉ phép		170.223.000
Trích trước tiền lãi	-	13.971.786
Cộng	-	184.194.786
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	89.213.319	128.838.819
Bảo hiểm xã hội	323.404.507	79.639.382
Bảo hiểm y tế	77.457.078	19.457.400
Bảo hiểm thất nghiệp	42.590.839	8.647.600
Các khoản phải trả phải nộp	97.740.000	140.328.513
Cộng	630.405.743	376.911.714

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

đến ngày 31/12/2012

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	31.600.000.000	7.037.527.899	1.158.536	2.487.561.538	975.444.068	4.551.635.213	46.653.327.254
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	47.316.408	47.316.408	-	94.632.816
- Lãi trong năm trước	-	-	2.149.733	-	-	-	2.149.733
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	2.779.738.119	2.779.738.119
- Giảm khác	-	-	-	-	-	4.551.635.213	4.551.635.213
							-
2. Số dư cuối năm trước	31.600.000.000	7.037.527.899	3.308.269	2.534.877.946	1.022.760.476	(2.779.738.119)	39.418.736.471
3. Số dư đầu năm nay	31.600.000.000	7.037.527.899	3.308.269	2.534.877.946	1.022.760.476	(2.779.738.119)	39.418.736.471
- Tăng vốn trong năm nay			-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	1.320.986.166	1.320.986.166
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	3.308.269	-	-	5.283.944.664	5.287.252.933
- Giảm khác	-	-	-	-	767.070.357	-	767.070.357
							-
4. Số dư cuối quý này	31.600.000.000	7.037.527.899	-	2.534.877.946	255.690.119	(6.742.696.617)	34.685.399.347

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012

Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168

đến ngày 31/12/2012

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng khoáng sản Hà Tĩnh	16.100.000.000	16.100.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	15.500.000.000	15.500.000.000
Cộng	31.600.000.000	31.600.000.000
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
* Số lượng cổ phiếu quỹ:	-	-
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.600.000.000	31.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.600.000.000	31.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
D. Cổ phiếu	Số cuối quý	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.160.000	3.160.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.160.000	3.160.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.160.000</i>	<i>3.160.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.160.000	3.160.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.160.000</i>	<i>3.160.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/ 1 Cổ phiếu	
E. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối quý	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	2.534.877.946	2.534.877.946
Quỹ dự phòng tài chính	255.690.119	1.022.760.476

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả KD (đ)

17. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	18.384.604.767	42.863.759.579
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	18.384.604.767	42.863.759.579
Doanh thu hoạt động xây lắp		
Doanh thu hoạt động SXKD khác		
18. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.586.112.450
+ Thuế xk	-	1.586.112.450
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.384.604.767	41.277.647.129
20. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	18.065.306.759	35.571.946.503
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	18.065.306.759	35.571.946.503
Giá vốn hoạt động xây lắp		
Giá vốn hoạt động SXKD khác		
Cộng	18.065.306.759	35.571.946.503
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	5.618.805	90.328.550
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.618.805	90.328.550
Lãi tiền cho vay		
Lãi nhượng bán chứng khoán		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	5.618.805	90.328.550
22. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	942.813.655	225.468.712
Chi phí lãi vay	942.813.655	225.468.712
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu		
Lỗ chênh lệch tỷ giá		5.425.430
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	
Cộng	942.813.655	230.894.142
23. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	1.837.982.621	4.690.115.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.982.621	4.690.115.952
Chi phí bằng tiền khác	29.187.636	125.237.948
Cộng	1.867.170.257	4.815.353.900
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	1.541.691.781	1.458.257.948
Chi phí nhân viên quản lý	1.541.691.781	1.458.257.948

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012
Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168 đến ngày 31/12/2012

Chi phí vật liệu quản lý	1.018.260	
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.509	137.110.857
Chi phí khấu hao TSCĐ	307.901.446	296.171.655
Thuế, phí, lệ phí	10.121.939	37.886.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.727.558	234.524.840
Chi phí bằng tiền khác	940.151.440	1.227.440.063
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	254.847.673	202.713.500
Cộng	3.328.501.606	3.594.104.891

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối

đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

Các loại công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền và các khoản tương đương tiền	540.925.603	310.070.795
Phải thu khách hàng (Sau dự phòng)	3.041.308.172	2.616.252.161
Các khoản phải thu khác	182.735.000	283.494.346

Công nợ tài chính

	Công nợ tài chính	
	31/12/2012	31/12/2011
Các khoản vay	8.463.122.154	4.902.147.810
Phải trả người bán	1.512.214.312	2.618.876.787
Chi phí phải trả	0	184.194.786
Tổng cộng	9.975.336.466	7.705.219.383

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở ở mức độ hợp lý các khoản lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý Rủi ro thanh khoản

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ: Kể từ ngày khoá sổ đến thời điểm phát hành Báo

2. cáo

kiểm toán không có sự kiện phát sinh quan trọng nào ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của đơn vị.

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1 Giao dịch phát sinh với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	Công ty mẹ		47.000.000
- Doanh thu bán hàng		1.437.584.343	
- Chi phí mua vật tư		166.771.437	
- Phải trả tiền mua hàng		1.859.120.000	
- Vay ngắn hạn		6.298.716.464	
Công ty cổ phần thương mại MITRACO (Phải trả tiền mua hàng)	Cùng hệ thống	450.429.279	219.020.700

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	20,34%	23,01%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	79,66%	76,99%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	31,67%	25,71%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	68,33%	74,29%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,16	3,89
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,52	3,04
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,03	0,02
3 Tỷ suất sinh lời		

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012
Điện thoại: (039) 2213 523 - Fax: (039) 3 564 168 đến ngày 31/12/2012

3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-27,27%	-6,73%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-27,27%	-6,73%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-1,15%	-5,24%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-1,15%	-5,24%

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Đình Quang Tuấn